

QUYẾT ĐỊNH

Về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo trì đường bộ đối với
xe mô tô trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ về việc: “Quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí”; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ về việc: “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ”;

Căn cứ Nghị định số 18/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ về “Quỹ bảo trì đường bộ”; Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính về việc: “Hướng dẫn phí, lệ phí thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”; Thông tư số 197/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính về việc: “Hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện”; Thông tư số 230/2012/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27/12/2012 của Bộ Tài chính – Bộ Giao thông Vận tải về việc: “Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán Quỹ bảo trì đường bộ”;

Căn cứ Nghị quyết số 52/2013/NQ-HĐND ngày 10 tháng 07 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa Khóa XVI, kỳ họp thứ 7 về “Mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo trì đường bộ đối với xe mô tô trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo trì đường bộ đối với xe mô tô trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, cụ thể như sau:

1. Đối tượng chịu phí:

Phương tiện giao thông cơ giới đường bộ bao gồm: Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy, xe chở hàng 4 bánh có gắn động cơ một xy lanh (sau đây gọi chung là xe mô tô) thuộc đối tượng chịu phí sử dụng đường bộ.

2. Đối tượng nộp phí:

Tổ chức, cá nhân sở hữu; sử dụng hoặc quản lý phương tiện (Sau đây gọi chung là chủ phương tiện) quy định tại Mục 1 Điều này là người nộp phí sử dụng đường bộ.

3. Các trường hợp miễn phí:

3.1. Xe mô tô của lực lượng Công an, Quốc phòng.

3.2. Xe mô tô của chủ phương tiện thuộc các hộ nghèo theo quy định của pháp luật về hộ nghèo.

4. Mức thu phí:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/xe/năm

TT	Loại phương tiện chịu phí	Mức thu	Ghi chú
1	Xe máy điện.	không thu	
2	Loại có dung tích xy lanh đến 100 cm ³ .	60	
3	Loại có dung tích xy lanh trên 100 cm ³ .	120	
4	Xe chở hàng 4 bánh có gắn động cơ một xy lanh.	2.160	

5. Phương thức thu, nộp:

5.1. Ủy ban nhân dân cấp xã, phường thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) là cơ quan thu phí đối với xe mô tô của các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân (chủ phương tiện) thuộc đối tượng nộp phí trên địa bàn.

5.2. Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo Tổ dân phố (hoặc Thôn) hướng dẫn kê khai phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô của chủ phương tiện trên địa bàn.

5.3. Chủ phương tiện thực hiện kê khai, nộp phí như sau:

a) Đối với xe mô tô phát sinh trước ngày 01/01/2013 thì thực hiện kê khai, nộp phí cả năm 2013, mức thu phí 12 tháng.

b) Đối với xe mô tô phát sinh từ ngày 01/01/2013 trở đi thì việc kê khai, nộp phí thực hiện như sau:

- Thời điểm phát sinh từ ngày 01/01 đến 30/6 hàng năm, chủ phương tiện phải kê khai, nộp phí đối với xe mô tô, mức thu phí bằng 1/2 mức thu năm. Thời điểm khai nộp chậm nhất là ngày 31/7/2013.

- Thời điểm phát sinh từ 01/7 đến 31/12 hàng năm, thì chủ phương tiện thực hiện kê khai, nộp phí vào tháng 01 năm sau và không phải nộp phí đối với thời gian còn lại của năm phát sinh.

5.4. Khi thu phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô, cơ quan thu phí phải lập và cấp biên lai thu phí cho đối tượng nộp phí theo quy định.

5.5. Việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại Biên lai thu phí sử dụng đường bộ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 153/2012/TT-BTC ngày 17/9/2012 của Bộ Tài chính về việc: “Hướng dẫn về in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước”. Giao Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa có trách nhiệm thực hiện in ấn và đảm bảo cung ứng đầy đủ biên lai, tổ chức hướng dẫn các đơn vị thu phí quản lý, sử dụng biên lai thu phí theo quy định.

6. Quản lý và sử dụng phí:

6.1. Đối với các phường, thị trấn được để lại 10,0% số phí sử dụng đường bộ thu được; đối với các xã được để lại 20,0% số phí thu được để trang trải chi phí cho hoạt động tổ chức thu theo quy định. Các nội dung chi chủ yếu cho công tác này gồm: Chi thù lao cho người trực tiếp đi thu; chi thường

xuyên để trang trải chi phí cho tổ chức đi thu như chi tiền văn phòng phẩm, điện nước, điện thoại;...

6.2. Số tiền còn lại cơ quan thu phí phải nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành và sẽ được phân bổ về cho các huyện, xã để sử dụng bảo trì đường bộ của địa phương.

6.3. Trường hợp giá cả biến động lớn, giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông Vận tải, các ngành và các đơn vị liên quan căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh để thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh cho phù hợp.

7. Thời gian thu phí: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

Điều 2.

1. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông Vận tải, Công an tỉnh Thanh Hóa; Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các ngành, các đơn vị liên quan căn cứ vào nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện.

2. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn là đơn vị thu phí bảo trì đường bộ đối với xe mô tô của tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trên địa bàn có trách nhiệm hàng tháng lập Tờ khai nộp phí bảo trì đường bộ thu được gửi cơ quan thuế. Đồng thời, thực hiện thanh quyết toán phí năm theo mẫu Tờ khai quyết toán phí bảo trì đường bộ đối với xe mô tô ban hành kèm theo Công văn số 6376/BTC-CST ngày 21/5/2013 của Bộ Tài chính về việc: “Khai, nộp phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện”.

3. Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm phối hợp với các ngành, các đơn vị có liên quan tổ chức chỉ đạo kiểm tra các cấp cơ sở thực hiện việc thu, nộp, quản lý và các nội dung liên quan đến phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông Vận tải; Giám đốc Công an tỉnh Thanh Hóa; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các ngành, các đơn vị và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.



Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ (để thực hiện);
- Bộ Tài chính; Bộ GTVT (để báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTT Thn2013190 (100).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đình Xứng